

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng

I. CƠ SỞ BAN HÀNH VÀ QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN THU PHÍ**1. Cơ sở ban hành quy định về thu phí**

Cùng với sự phát triển của hệ thống cảng biển và hoạt động xuất nhập khẩu, nhu cầu đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối cảng biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng ngày càng lớn. Trong khi đó, nguồn lực từ ngân sách nhà nước còn hạn chế, đòi hỏi thành phố có giải pháp huy động các nguồn lực hợp pháp để đáp ứng yêu cầu phát triển kết cấu hạ tầng.

Để đáp ứng yêu cầu đó, trên cơ sở quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành Nghị quyết về thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Việc ban hành nghị quyết nhằm tạo nguồn lực đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối cảng biển; đồng thời huy động sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân sử dụng kết cấu hạ tầng cảng biển theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian thực hiện, để phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn, Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành các nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung. Các lần điều chỉnh chủ yếu nhằm cập nhật quy định của pháp luật, thống nhất một số nội dung và bảo đảm phù hợp với thực tiễn tổ chức thu phí.

2. Quá trình tổ chức thực hiện thu phí

Sau khi các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố được ban hành, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện; ban hành các văn bản hướng dẫn, phân công nhiệm vụ và xây dựng quy trình thu, nộp, quản lý, sử dụng phí theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, căn cứ yêu cầu quản lý và việc sắp xếp tổ chức bộ máy, nhiệm vụ thu phí được điều chỉnh, chuyển giao giữa các cơ quan theo quy định của cấp có thẩm quyền. Việc chuyển giao được thực hiện theo lộ trình, bảo đảm tính liên tục của công tác thu phí, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp và việc thực hiện nghĩa vụ của người nộp phí.

Các cơ quan được giao nhiệm vụ thu đã chủ động phối hợp với cơ quan Hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển và các đơn vị liên quan trong việc trao đổi thông tin, đối chiếu số liệu và hướng dẫn người nộp phí thực hiện nghĩa vụ theo quy định. Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức thu từng bước được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và cải cách thủ tục hành chính.

Quá trình tổ chức thực hiện chính sách cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, tạo cơ sở cho việc triển khai thống nhất công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trên địa bàn thành phố.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU PHÍ

1. Kết quả thu phí

Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển, công tác thu phí được triển khai từ năm 2017 và duy trì ổn định qua các giai đoạn. Cụ thể:

1.1. Số thu và cơ cấu thu

Kết quả thu phí giai đoạn 2017–2026 được tổng hợp tại Bảng 1:

(Đơn vị: triệu đồng)

Năm	Dự toán	Tổng thu	Tỷ lệ Tổng thu/ Dự toán (%)	Hàng Tạm nhập tái xuất	Tỷ lệ hàng TNTX / Tổng thu (%)	Hàng quá cảnh	Tỷ lệ hàng quá cảnh/ Tổng thu (%)	Hàng XNK thông thường	Tỷ lệ hàng XNK/ Tổng thu (%)
2017	1.800.000	1.536.016	85,3	782.043	50,91	2.943	0,19	751.030	48,89
2018	1.800.000	1.562.846	86,8	737.511	47,19	3.015	0,19	822.320	52,62
2019	1.800.000	1.299.894	72,2	371.302	28,56	2.641	0,20	925.951	71,23
2020	1.550.000	1.033.568	66,7	96.330	9,32	2.582	0,25	934.656	90,43
2021	1.350.000	1.202.048	89,0	93.980	7,82	2.724	0,23	1.105.344	91,96
2022	1.220.000	1.191.711	97,7	78.054	6,55	2.192	0,18	1.111.465	93,27
2023	1.200.000	1.230.066	102,5	120.323	9,78	2.469	0,20	1.107.274	90,02
2024	1.250.000	1.382.409	110,6	124.861	9,03	3.089	0,22	1.254.459	90,74
2025	1.350.000	1.502.011	111,3	108.982	7,26	5.169	0,34	1.387.860	92,40
2026 (đến 30/06)	1.500.000	844.725	56,3	71.741	8,49	2.438	0,29	770.546	91,22

Bảng 1. Kết quả thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng giai đoạn 2017 – 2026.

Qua số liệu tại Bảng 1 cho thấy:

- Về kết quả thu phí:

Lũy kế từ năm 2017 đến ngày 30/6/2026, tổng số thu phí đạt khoảng 12.785 tỷ đồng. Số thu có sự biến động giữa các năm, gắn với diễn biến hoạt động xuất nhập khẩu, sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển và tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Trong giai đoạn 2017–2020, số thu có xu hướng giảm, từ 1.536 tỷ đồng năm 2017 xuống còn 1.034 tỷ đồng năm 2020; tỷ lệ thực hiện dự toán giảm từ 85,3% xuống 66,7%. Nguyên nhân chủ yếu là hoạt động tạm nhập, tái xuất giảm mạnh qua các năm; đồng thời năm 2020 chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, làm suy giảm hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và lưu thông hàng hóa, dẫn đến giảm nguồn thu phí.

Từ năm 2021, cùng với quá trình phục hồi kinh tế, hoạt động xuất nhập khẩu và khai thác cảng biển từng bước tăng trưởng trở lại, số thu phí có xu hướng phục hồi và tăng dần qua các năm. Năm 2021, số thu đạt khoảng 1.202 tỷ đồng, bằng 89,0% dự toán; năm 2022 đạt 1.192 tỷ đồng, bằng 97,7% dự toán. Từ năm 2023 đến năm 2025, số thu đều vượt dự toán được giao, với tỷ lệ thực hiện lần lượt đạt 102,5%, 110,6% và 111,3%, cho thấy nguồn thu từng bước ổn định và có xu hướng tăng trưởng trở lại sau giai đoạn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh.

Đến ngày 30/6/2026, số thu đạt khoảng 845 tỷ đồng, bằng 56,3% dự toán năm. Kết quả này cơ bản phù hợp với tiến độ thực hiện dự toán thu ngân sách của năm, đồng thời phản ánh hoạt động xuất nhập khẩu qua cảng biển tiếp tục được duy trì ổn định trong 6 tháng đầu năm 2026.

- Về cơ cấu nguồn thu:

Cơ cấu nguồn thu có sự thay đổi trong quá trình thực hiện chính sách. Trong những năm đầu triển khai, nguồn thu từ hàng tạm nhập, tái xuất chiếm tỷ trọng lớn, đạt 50,91% tổng số thu năm 2017 và 47,19% năm 2018. Từ năm 2019, tỷ trọng nguồn thu từ nhóm hàng này giảm mạnh, còn 28,56%, và từ năm 2020 duy trì ở mức dưới 10% tổng số thu.

Trong khi đó, nguồn thu từ hàng xuất nhập khẩu thông thường tăng dần cả về giá trị và tỷ trọng, từ 48,89% tổng số thu năm 2017 lên trên 90% từ năm 2020 đến nay. Sự thay đổi này chủ yếu do nguồn thu từ hàng tạm nhập, tái xuất giảm, trong khi hoạt động xuất nhập khẩu thông thường tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng và trở thành nguồn thu chủ yếu của chính sách.

Đối với hàng quá cảnh, số thu hằng năm chiếm tỷ trọng nhỏ, dao động từ 0,18% đến 0,34% tổng số thu và ít biến động trong suốt giai đoạn thực hiện chính sách.

1.2. Kết quả thu phí đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa

Ngoài kết quả thu phí chung theo nhóm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, công tác thu phí đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa được theo dõi,

tổng hợp riêng nhằm phục vụ công tác quản lý thu, theo dõi tình hình thực hiện chính sách ưu đãi đối với hàng hóa vận chuyển bằng phương thức này.

Kết quả thu phí đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa giai đoạn 2023–2026 được tổng hợp tại Bảng 2:

	Sản lượng hàng rời vận chuyển ĐTNĐ (tấn)	Sản lượng hàng container vận chuyển ĐTNĐ (cont)	Tổng sản lượng hàng rời (tấn)	Tổng sản lượng hàng container (cont)	Số thu đối với hàng hóa vận chuyển ĐTNĐ (đồng)	
					Hàng rời	Hàng container
2023	796.267,53	37.420	7.849.395,44	2.563.417	6.399.921.997	7.898.900.000
2024	1.219.724,68	25.942	9.651.449,99	2.859.194	9.785.005.912	5.531.500.000
2025	633.416,36	40.651	9.606.545,59	3.125.244	5.104.447.002	8.603.250.000
2026 (6 tháng đầu năm)	371.017,50	24.640	4.663.268,83	1.633.150	2.968.139.984	5.148.000.000

Bảng 2. Kết quả thu phí đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa giai đoạn 2023–2026.

Qua số liệu tại Bảng 2 cho thấy, sản lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa có sự biến động qua các năm, phù hợp với nhu cầu vận chuyển và tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Trong đó, sản lượng hàng lỏng, hàng rời có xu hướng biến động rõ hơn giữa các năm, trong khi sản lượng hàng container duy trì tương đối ổn định.

So với tổng sản lượng hàng hóa thuộc đối tượng thu phí hạ tầng cảng biển, hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa chiếm tỷ trọng không lớn. Đối với hàng lỏng, hàng rời, tỷ trọng dao động từ 6,59% đến 12,64% tổng sản lượng; đối với hàng container chỉ từ 0,91% đến 1,51%. Tương ứng với sản lượng phát sinh, số thu phí đối với nhóm hàng hóa này cũng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số thu phí hạ tầng cảng biển của thành phố.

Theo quy định tại các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa được áp dụng mức thu bằng 50% mức thu đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ nhằm khuyến khích phát triển vận tải thủy nội địa theo chủ trương của Chính phủ. Theo đó, trong giai đoạn 2023–2026 (tính đến hết ngày 30/6/2026), tổng số phí được giảm cho doanh nghiệp ước khoảng 51,44 tỷ đồng (tương đương 14,7 tỷ đồng/năm). Kết quả thực hiện cho thấy, chính sách hỗ trợ đã góp phần giảm chi phí logistics cho doanh nghiệp, khuyến khích vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy nội địa, đồng thời không làm ảnh hưởng đáng kể đến tổng nguồn thu phí hạ tầng cảng biển của thành phố do tỷ trọng nguồn thu từ nhóm hàng hóa này ở mức thấp.

2. Công tác tổ chức thu, quản lý thu và bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí

Bên cạnh kết quả thu phí, công tác tổ chức thu, quản lý thu và quản lý, sử

dụng nguồn thu được triển khai đồng bộ, từng bước hoàn thiện, góp phần bảo đảm việc thực hiện chính sách thống nhất, đúng quy định và phù hợp với yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn.

2.1. Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu

Trong quá trình triển khai chính sách, căn cứ chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố, nhiệm vụ tổ chức thu phí được điều chỉnh giữa các cơ quan nhằm phù hợp với yêu cầu quản lý. Từ năm 2017 đến ngày 31/3/2019, Ủy ban nhân dân quận Hải An là cơ quan tổ chức thu theo Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND. Từ ngày 01/4/2019 đến ngày 14/8/2021, nhiệm vụ thu được điều chuyển về Sở Tài chính. Từ ngày 15/8/2021 đến nay, nhiệm vụ thu được điều chuyển sang Cảng vụ Đường thủy nội địa Hải Phòng theo Quyết định số 2299/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố.

Việc điều chuyển nhiệm vụ thu được thực hiện liên tục, bảo đảm không làm gián đoạn công tác thu phí và việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân. Đồng thời, cơ chế phối hợp giữa cơ quan thu với cơ quan Hải quan, doanh nghiệp khai thác cảng, các tổ chức tín dụng và các đơn vị liên quan từng bước được hoàn thiện; việc ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai thu phí điện tử và kết nối dữ liệu được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và cải cách thủ tục hành chính.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan được giao nhiệm vụ thu cũng chủ động tham mưu xây dựng, hoàn thiện các quy trình quản lý, vận hành hệ thống thu phí điện tử, bảo đảm an toàn thông tin; đồng thời tham gia rà soát, đề xuất hoàn thiện các quy định về thu phí phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao mức độ tuân thủ và tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện nghĩa vụ nộp phí.

Kết quả một số chỉ tiêu về tổ chức thu được tổng hợp tại Bảng 3:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2021 (từ ngày 15/08)	2022	2023	2024	2025	2026 (6 tháng đầu năm)
1	Hồ sơ kê khai phí tiếp nhận	Thông báo nộp phí	583.634	1.553.456	1.533.563	1.833.446	2.180.436	1.174.451
2	Biên lai điện tử phát hành tự động	Biên lai	553.156	1.463.317	1.451.363	1.691.648	1.935.974	1.093.181
3	Biên lai điện tử phát hành thủ công	Biên lai	2.238	6.384	3.609	5.926	3.787	1.904
4	Hồ sơ điều chỉnh, bổ sung	Hồ sơ	39	174	132	122	116	27
5	Hồ sơ hoàn tiền	Hồ sơ	34	479	385	442	400	178
6	Số tiền hoàn phí	Triệu đồng	177,4	2.283,5	2.028,5	1.265,1	1.389	830,1

Bảng 3. Một số chỉ tiêu về công tác tổ chức thu phí giai đoạn 2021-2026.

Qua số liệu tại Bảng 3 cho thấy, công tác tổ chức thu phí được triển khai ổn định, bảo đảm việc tiếp nhận hồ sơ kê khai, xác định nghĩa vụ nộp phí, phát hành biên lai điện tử, thu, nộp và hạch toán vào ngân sách nhà nước được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Khối lượng hồ sơ kê khai và biên lai điện tử phát hành hằng năm ở mức lớn, có xu hướng tăng qua các năm, phản ánh sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu và lưu lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển trên địa bàn thành phố.

Việc thu phí được thực hiện trên hệ thống phần mềm quản lý thu phí điện tử, kết nối với các ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước và các đơn vị liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình kê khai, nộp phí và nhận biên lai điện tử. Phần lớn biên lai được phát hành tự động ngay sau khi người nộp phí hoàn thành nghĩa vụ tài chính; số lượng biên lai phát hành thủ công chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chủ yếu phát sinh trong quá trình đối chiếu, hạch toán với Kho bạc Nhà nước hoặc xử lý một số trường hợp kỹ thuật của hệ thống.

Đối với các trường hợp điều chỉnh, bổ sung hồ sơ hoặc hoàn phí, cơ quan thu phí thực hiện kiểm tra, đối chiếu và xử lý theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời cập nhật đầy đủ trên hệ thống quản lý thu phí, bảo đảm thống nhất giữa hồ sơ kê khai, biên lai điện tử và số thu nộp ngân sách nhà nước. Số lượng hồ sơ điều chỉnh, bổ sung và hoàn phí chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng số hồ sơ tiếp nhận, cho thấy việc kê khai, tiếp nhận và xử lý hồ sơ cơ bản được thực hiện ổn định, góp phần bảo đảm tính chính xác của công tác quản lý thu phí.

Kết quả trên cho thấy công tác tổ chức thu phí đã từng bước được hiện đại hóa, quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa và số hóa, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục cho doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm việc thu đúng, thu đủ, công khai, minh bạch và quản lý chặt chẽ nguồn thu ngân sách nhà nước.

2.2. Về công tác kiểm tra, giám sát và đối soát

Cùng với việc tổ chức thu, công tác kiểm tra, giám sát và đối soát dữ liệu được thực hiện thường xuyên nhằm bảo đảm việc thu đúng, thu đủ theo quy định. Cơ quan thu phối hợp với cơ quan Hải quan và các đơn vị liên quan thực hiện đối soát dữ liệu, kiểm tra tình trạng nộp phí sau thông quan, kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp kê khai chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác để thực hiện truy thu.

Kết quả công tác kiểm tra, đối soát được tổng hợp tại Bảng 4:

Năm	Số doanh nghiệp kiểm tra	Số hồ sơ đối soát	Số tiền truy thu (triệu đồng)	Số tiền đã nộp NSNN (triệu đồng)	Tỷ lệ thu hồi so với tổng thu (%)
2021 (từ ngày 15/08)	66	172	266,2	1.202.048	0,02
2022	204	960	3.398,1	1.191.711	0,29
2023	367	2.314	4.688,4	1.230.066	0,38
2024	284	2.317	4.439,8	1.382.409	0,32
2025	178	1.699	3.081,3	1.502.011	0,21
2026 (6 tháng đầu năm)	38	824	1.363,5	844.725	0,16

Bảng 4. Kết quả công tác đối soát và truy thu phí giai đoạn 2021-2026.

Trong giai đoạn từ ngày 15/8/2021 đến hết năm 2025, cơ quan thu phí đã thực hiện kiểm tra 1.099 doanh nghiệp, đối soát 7.462 hồ sơ, thực hiện truy thu 15,88 tỷ đồng nộp vào ngân sách nhà nước. Riêng 6 tháng đầu năm 2026 đã kiểm tra 38 doanh nghiệp, đối soát 824 hồ sơ, truy thu 1,36 tỷ đồng.

Số liệu cho thấy, giai đoạn 2022–2024 công tác kiểm tra, đối soát được tăng cường cả về phạm vi và số lượng hồ sơ rà soát, qua đó số tiền truy thu có xu hướng tăng, phản ánh hiệu quả của việc ứng dụng dữ liệu điện tử, tăng cường phối hợp giữa cơ quan thu phí với cơ quan hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng và các đơn vị liên quan trong việc đối chiếu, xác minh thông tin. Đến năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026, số tiền truy thu có xu hướng giảm, đồng thời tỷ lệ truy thu trên tổng số thu cũng giảm dần, bước đầu cho thấy chất lượng kê khai của doanh nghiệp được cải thiện, công tác hướng dẫn, tuyên truyền và quản lý thu phí ngày càng phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao tính tuân thủ trong thực hiện nghĩa vụ nộp phí.

Trong toàn bộ quá trình triển khai thực hiện chính sách thu phí, không phát sinh vụ việc tranh chấp, khiếu nại hoặc tố cáo liên quan đến việc tổ chức thu, nộp và quản lý phí. Điều này cho thấy chính sách được triển khai công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, đồng thời tạo được sự đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2.3. Về quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ công tác thu phí

Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND quy định giao Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện khoán chi cho các cơ quan thu phí, phối hợp thu phí với tỷ lệ không quá 10% số phí thu được; việc quản lý, sử dụng khoản được trích để lại phải bảo đảm theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, phương thức bảo đảm kinh phí cho hoạt động thu được thành phố điều chỉnh phù hợp với cơ chế quản lý ngân sách từng thời kỳ. Trước đây, kinh phí được xác định theo tỷ lệ số phí được trích để lại; hiện nay, kinh phí được lập, bố trí và thực hiện trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được cấp có thẩm quyền giao.

Kinh phí được bố trí để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác tổ chức, quản lý và thu phí, gồm: chi cho nhân lực thực hiện nhiệm vụ thu, kiểm soát, đối soát và nộp phí; nâng cấp, duy trì hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý thu; tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp phí; mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác thu và các nhiệm vụ liên quan theo quy định. Việc quản lý, sử dụng kinh phí được thực hiện đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động thu phí và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý..

Do sự thay đổi về cơ chế quản lý, phương thức bố trí kinh phí giữa các thời kỳ, số liệu về chi phí phục vụ hoạt động thu phí chưa được tổng hợp thống nhất

cho toàn bộ giai đoạn; vì vậy, Báo cáo chưa thực hiện đánh giá, so sánh định lượng giữa các thời kỳ.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN

1. Kết quả đạt được

Qua gần 10 năm triển khai thực hiện, chính sách thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã cơ bản đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành; tạo nguồn lực cho ngân sách thành phố để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối khu vực cảng biển, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng cảng biển.

Chính sách được triển khai ổn định, liên tục qua các giai đoạn, bảo đảm việc tổ chức thu không bị gián đoạn trong quá trình điều chuyển nhiệm vụ giữa các cơ quan được giao thực hiện. Công tác phối hợp giữa cơ quan thu phí với cơ quan Hải quan, Kho bạc Nhà nước, các doanh nghiệp khai thác cảng, tổ chức tín dụng và các cơ quan, đơn vị có liên quan từng bước được hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện chính sách.

Phương thức quản lý thu từng bước được hiện đại hóa theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai thu phí điện tử, kết nối thanh toán, đối soát dữ liệu và cải cách thủ tục hành chính. Việc tiếp nhận hồ sơ, xác định nghĩa vụ nộp phí, thu, nộp phí và phát hành biên lai điện tử được thực hiện thống nhất trên hệ thống phần mềm quản lý, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nghĩa vụ nộp phí.

Công tác kiểm tra, giám sát và đối soát dữ liệu được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thu, kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp kê khai chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác, hạn chế thất thu ngân sách nhà nước. Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, không phát sinh vụ việc tranh chấp, khiếu nại hoặc tố cáo liên quan đến công tác thu, nộp và quản lý phí, thể hiện sự đồng thuận của các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện chính sách.

Đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa, việc áp dụng mức thu bằng 50% so với hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ đã góp phần giảm chi phí cho doanh nghiệp, khuyến khích phát triển vận tải đường thủy nội địa theo chủ trương của Chính phủ về phát triển vận tải thủy và giảm áp lực cho hệ thống giao thông đường bộ. Thực tiễn triển khai cho thấy chính sách hỗ trợ này không làm ảnh hưởng đáng kể đến tổng nguồn thu phí của thành phố.

2. Những yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện chính sách cũng đặt ra một số yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy định và đáp ứng yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, chính sách thu phí hiện đang được quy định tại nhiều nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố được ban hành, sửa đổi, bổ sung qua các thời kỳ. Việc các quy định còn phân tán ở nhiều văn bản đặt ra yêu cầu cần hợp nhất, hệ thống hóa các nội dung còn phù hợp trong một nghị quyết thống nhất để thuận lợi cho việc áp dụng, tra cứu và tổ chức thực hiện.

Thứ hai, trong thời gian thực hiện chính sách, hệ thống pháp luật có liên quan đã có nhiều thay đổi, như Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các quy định về phí và lệ phí cùng các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc đề xuất mức thu phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được xây dựng trên cơ sở Đề án. Điều này đặt ra yêu cầu rà soát, cập nhật và hoàn thiện các quy định về thu phí để bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

Thứ ba, việc thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội đã làm thay đổi phạm vi quản lý hành chính của thành phố Hải Phòng. Do đó, cần rà soát, hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan và các nội dung khác của chính sách nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương sau sắp xếp, đồng thời tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

Những yêu cầu nêu trên là cơ sở để nghiên cứu xây dựng nghị quyết thay thế theo hướng kế thừa các chính sách đang phát huy hiệu quả, hợp nhất các nghị quyết hiện hành, cập nhật các quy định của pháp luật mới và bảo đảm sự thống nhất của hệ thống văn bản sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính. Việc xây dựng nghị quyết mới không đặt ra yêu cầu thay đổi các nội dung cốt lõi của chính sách thu phí đang được áp dụng mà chủ yếu nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

IV. ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ THU PHÍ

Trên cơ sở kết quả tổng kết việc thực hiện các nghị quyết hiện hành, kết quả rà soát các quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu quản lý trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng nghị quyết thay thế các nghị quyết hiện hành là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý về thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố, bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và mô hình chính quyền địa phương sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

Trong quá trình nghiên cứu xây dựng nghị quyết, có thể xem xét hai phương án sau:

- Phương án thứ nhất: Xây dựng nghị quyết mới theo hướng kế thừa các chính sách đang được áp dụng; hợp nhất các quy định hiện hành vào một văn bản thống nhất; đồng thời cập nhật các căn cứ pháp lý, tên đơn vị hành chính, thẩm quyền và các nội dung kỹ thuật theo quy định của pháp luật hiện hành; không điều chỉnh đối tượng chịu phí, đối tượng miễn, giảm phí, mức thu, cơ chế quản lý thu, nộp và sử dụng phí.

- Phương án thứ hai: Xây dựng nghị quyết mới đồng thời nghiên cứu điều chỉnh chính sách thu phí, bao gồm việc sửa đổi đối tượng chịu phí, đối tượng miễn phí, mức thu, cơ chế quản lý thu hoặc các nội dung khác để phù hợp với yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

Qua nghiên cứu, rà soát cho thấy, phạm vi xây dựng nghị quyết trong giai đoạn hiện nay chủ yếu nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để tiếp tục triển khai chính sách thu phí trên địa bàn thành phố. Đối với các nội dung về đối tượng chịu phí, đối tượng miễn phí, mức thu và cơ chế quản lý thu phí, kết quả tổng kết chưa đặt ra yêu cầu cần điều chỉnh.

Vì vậy, báo cáo đề xuất lựa chọn phương án thứ nhất để xây dựng nghị quyết thay thế các nghị quyết hiện hành. Phương án này vừa đáp ứng mục tiêu xây dựng nghị quyết, vừa bảo đảm tính kế thừa của chính sách, hạn chế phát sinh tác động đến hoạt động của doanh nghiệp và tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện./.